



Working Paper 2022.2.6.09

- Vol 2, No 6

PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC CÁC HỌC PHẦN HÒA GIẢI TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ THEO MÔ HÌNH THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP

Nguyễn Khánh Huyền¹

Sinh viên K60 Luật Kinh doanh Quốc tế theo mô hình THNN – Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Hoàng Thị Minh Hằng

Giảng viên khoa Luật
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Bài viết bắt đầu nghiên cứu từ yêu cầu của Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải và Học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế; đồng thời phân tích các phương pháp giảng dạy trong hai học phần này. Kết hợp với nghiên cứu mô hình Visual – Auditory – Reading & Writing – Kinesthetic (sau đây được viết tắt là mô hình VARK) về phong cách học tập, thực tiễn phong cách học tập của sinh viên Chương trình V-LEX, bài viết so sánh tương quan giữa phong cách giảng dạy hai học phần với phong cách học tập của sinh viên sau đó rút ra KẾT LUẬN, cuối cùng là đề xuất giải pháp tăng cường sự tương thích giữa phương pháp học và phương pháp giảng dạy của giảng viên xuyên suốt hai học phần.

Từ khóa: Chương trình V-LEX, phương pháp giảng dạy, phong cách học tập, mô hình VARK

METHODS OF TEACHING AND LEARNING IN MEDIATION MODULES IN THE V-LEX PROGRAM

Abstract

The article begins with the basic requirements of two modules, namely International Commercial Negotiation and Mediation Course and the Advanced Course on Alternative Dispute Resolution and analyzes current the teaching methods used in the two modules. Combined with the study of

¹ Tác giả liên hệ, Email: huyen18092003@gmail.com. Bài viết này là sản phẩm của Đề tài KH&CN cấp cơ sở của Trường Đại học Ngoại thương “Giải pháp để các học phần giải quyết tranh chấp bằng phương thức thay thế (ADR) trong Chương trình V-LEX được công nhận quốc tế”, mã số NTCS2021-75.

the Visual – Auditory – Reading&Writing – Kinesthetic model (VARK) on learning styles, and the practice of K60 V-LEX students' learning styles, the article compares the correlation between the two-module teaching styles and the learning styles of students. The article then draw conclusions, and finally propose an improvement plan to the lecturers' teaching methods within the courses.

Keywords: V-LEX program, teaching methods, learning styles, VARK model

Mở đầu

Chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh doanh Quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là V-LEX) được Trường Đại học Ngoại thương xây dựng và triển khai từ năm 2020. Khóa 60 là khóa đầu tiên chào đón những tân sinh viên theo học chương trình này. Do đó, các sinh viên sẽ không tránh khỏi ngỡ ngàng khi thiếu đi sự tham khảo kinh nghiệm từ những anh chị khóa trước. Bên cạnh đó, những học phần mới được triển khai, ví dụ như Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải (PLUE3) và Học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế (PLUE4), cũng lần đầu được đưa vào giảng dạy nên giảng viên có thể gặp khó khăn trong việc sử dụng và điều chỉnh phương pháp giảng dạy, đảm bảo truyền đạt kiến thức đến học sinh một cách hiệu quả nhất. Với tầm quan trọng trong việc nghiên cứu về hoạt động giảng dạy và học tập hai học phần nói trên, bài viết muốn đi sâu nghiên cứu những phương pháp giảng dạy hai học phần này cũng như phong cách học của các sinh viên khóa 60, Chương trình V-LEX, đồng thời phân tích để tìm ra phương pháp tương thích nhất dành cho sinh viên theo học học phần này. Bài viết so sánh tương quan giữa phong cách giảng dạy hai học phần với phong cách học tập của sinh viên Chương trình V-LEX, từ đó đưa ra KẾT LUẬN và đề xuất giải pháp tăng cường sự tương thích giữa phương pháp học và phương pháp giảng dạy của giảng viên xuyên suốt hai học phần.

Bài viết được chia thành ba phần. Trong đó, phần thứ nhất tập trung giới thiệu tổng quan về Chương trình V-LEX, phần thứ 2 - Tìm hiểu về phong cách học của sinh viên Chương trình V-LEX bên cạnh việc đưa ra lý thuyết phong cách học tập và mô hình VARK, bài viết tiến hành khảo sát các sinh viên khóa 60, Chương trình V-LEX, so sánh tương quan giữa phong cách học tập của sinh viên và phương pháp dạy của giảng viên và trên cơ sở này đưa ra đánh giá về sự tương thích; và phần thứ 3 đưa ra pháp tăng cường sự tương thích giữa phương pháp học và phương pháp giảng dạy hai học phần về hòa giải, đưa ra giải pháp đề xuất để cải thiện phương pháp giảng dạy của giảng viên trong hai học phần. Cụ thể:

1. Tổng quan về Chương trình V-LEX và các môn học hòa giải

Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương, xuất phát điểm là một trong những bộ môn trực thuộc Khoa Nghiệp vụ, chính thức được thành lập trên cơ sở tách Bộ môn Luật từ Khoa Quản trị Kinh doanh vào tháng 8 năm 2012. Trong suốt gần 10 năm hoạt động, Khoa Luật đã và đang phụ trách việc đào tạo các chương trình ở các bậc đào tạo khác nhau. Năm 2021 chứng kiến bước đột phá lớn của Khoa Luật khi chính thức tuyển sinh cho Chương trình đào tạo chất lượng cao trình

độ đại học ngành Luật, chuyên ngành Luật Kinh doanh Quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp, hay được gọi tắt là Chương trình V-LEX.

1.1. Giới thiệu Chương trình V-LEX

1.1.1. Mục tiêu đào tạo

Kế thừa sứ mệnh của Khoa Luật nói chung, Chương trình V-LEX hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng trong lĩnh vực pháp luật, đồng thời là lĩnh vực pháp luật kinh doanh quốc tế. Song, bên cạnh đó, Chương trình hướng đến đào tạo những “luật gia” tương lai có kiến thức chuyên môn sâu về pháp luật kinh doanh quốc tế (được thể hiện rõ nét nhất trong tên Chương trình đào tạo), về giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế và ứng dụng những kiến thức chuyên sâu này vào giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình diễn ra hoạt động kinh doanh quốc tế bằng các phương thức thay thế trong đó có hòa giải.

Chương trình V-LEX đào tạo những cử nhân luật linh hoạt và nhanh nhạy, có năng lực đảm đương những vị trí mà ở đó đòi hỏi việc ứng biến với sự thay đổi không ngừng của môi trường kinh doanh khi thị trường đang ngày càng hội nhập. Những sinh viên này có nhận thức về đạo đức nghề nghiệp rất cao, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức về vai trò của mình trong việc phục vụ cộng đồng, ảnh hưởng và thay đổi cộng đồng, có năng lực xã hội, năng lực tự học, học tập suốt đời. Đặc biệt, những tân cử nhân này sẽ có kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng phương thức thay thế thông qua những môn học về các kỹ năng này trong chương trình học của mình.

1.1.2. Chuẩn đầu ra

Về kiến thức, bước ra từ Chương trình V-LEX, sinh viên sẽ đảm bảo có khả năng vận dụng những kiến thức nền tảng và các kiến thức giáo dục đại cương khác, đồng thời vận dụng những thực tiễn pháp lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành luật. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích các vấn đề pháp lý, bao gồm cả lý thuyết và thực tiễn, thuộc khối kiến thức ngành trong các lĩnh vực như dân sự, thương mại, hành chính, hình sự và tố tụng. Hơn thế nữa, các tân cử nhân ngành luật còn rèn luyện được cách tổng hợp kiến thức và thực tiễn pháp lý của khối kiến thức chuyên ngành pháp luật kinh doanh quốc tế về hợp đồng thương mại quốc tế và các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, trong đó có phương thức hòa giải.

Về kỹ năng, khi hoàn thành Chương trình V-LEX sinh viên phải thành thạo những kỹ năng đó là kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, phát hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh quốc tế; kỹ năng tìm kiếm, phân tích, so sánh, đánh giá các quy phạm pháp luật nói chung và pháp luật kinh doanh quốc tế nói riêng; kỹ năng tư vấn về các vấn đề pháp lý của doanh nghiệp, tranh tụng và giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế (bao gồm phương thức hòa giải); kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý và văn bản có liên quan đến việc tư vấn và giải quyết tranh chấp; kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh (trương đương bậc 5/6 và tiếng Anh pháp lý để tư vấn, giải quyết tranh chấp và soạn thảo các văn bản có liên quan bằng tiếng Anh). Ngoài

ra, sinh viên còn làm chủ được kỹ năng sử dụng tin học văn phòng nâng cao và kỹ năng quản lý, điều hành và đánh giá chất lượng công việc khi làm việc độc lập và làm việc nhóm.

Về *năng lực tự chủ và trách nhiệm*, sinh viên sau khi tốt nghiệp cần có năng lực chủ động lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi của bối cảnh toàn cầu; năng lực tự định hướng, đưa ra KẾT LUẬN chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân trước tập thể. Một điều đặc biệt quan trọng mà Chương trình V-LEX yêu cầu ở sinh viên đó là trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể, ý thức phục vụ cộng đồng. Sinh viên phải có ý thức tuân thủ pháp luật, bảo vệ lý lẽ, công bằng.

1.1.3. Ưu điểm/ Sự khác biệt

Để đạt được những mục tiêu về giảng dạy, đào tạo và chuẩn đầu ra của Chương trình, trong kế hoạch học tập của Chương trình V-LEX được đưa vào nhiều học phần khác biệt so với Chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế, và đây cũng chính là những ưu điểm của V-LEX. Có thể kể tới năm học phần thực hành V-LEX và sáu học phần Tiếng anh pháp lý (Legal English) cung cấp cho sinh viên môi trường để trau dồi toàn diện các kỹ năng liên quan đến tiếng Anh pháp lý, đồng thời là các kỹ năng thực hành nghề Luật.

Thực hành các phương thức giải quyết tranh chấp theo xu hướng mới trong kinh doanh quốc tế; song giảng giữa giảng viên với các luật sư, hòa giải viên, trọng tài viên, chuyên gia pháp lý hàng đầu; một số học phần được công nhận bởi những tổ chức hành nghề luật quốc tế; các dự án giảng dạy và tư vấn pháp luật miễn phí; liên tục cập nhật, đổi mới chương trình theo các nội dung đào tạo thịnh hành trên thế giới và yêu cầu của xã hội;... đều là những điểm nổi bật khác biệt mà các giảng viên khoa Luật tự hào và tin tưởng rằng sẽ làm nên thành công cho Chương trình V-LEX. Môn học mới về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế (ADR) hứa hẹn trau dồi và tạo môi trường để sinh viên rèn giũa kỹ năng của mình trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế, trong đó có hòa giải.

Những điểm khác biệt hay nói cách khác là đặc trưng, điểm mạnh nêu trên thể hiện rõ được các tiêu chí thực tế, định hướng, sát với nghề nghiệp đúng với tên gọi của Chương trình – Cử nhân Luật Kinh doanh Quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp.

1.2. Các học phần hòa giải trong Chương trình V-LEX

Có hai học phần về hòa giải trong Chương trình V-LEX, bao gồm Giải quyết Tranh chấp Kinh doanh Quốc tế bằng Thương lượng và Hòa giải; và Học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế (ADR).

1.2.1. Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải

Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải là môn học pháp lý cơ bản và bắt buộc, cung cấp kiến thức lý thuyết và kỹ năng thiết yếu về việc thương lượng và hòa giải như là các phương tiện giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế. Học phần này cũng đề cập đến hòa giải như một phương thức riêng để giải quyết tranh chấp: khuôn khổ pháp lý

về hòa giải, các bước hòa giải, hiệu lực và hiệu lực pháp lý của biên bản hòa giải thành công ... Cùng với học phần giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế thông qua trọng tài, học phần này trang bị cho sinh viên với kiến thức và kỹ năng khả thi về các giải pháp tranh chấp thay thế khác nhau, điểm mạnh và điểm yếu có thể so sánh của chúng, và mối liên kết giữa chúng cũng như tạo thành điều kiện tiên quyết của học phần nâng cao về ADR.

Đối với chuẩn đầu ra về kiến thức, sau khi hoàn thành học phần, sinh viên phải nắm vững các nguyên tắc cơ bản của thương lượng và hòa giải là phương tiện giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, bao gồm khái niệm, đặc điểm, loại hình, khuôn khổ pháp lý trong nước và quốc tế, những ưu và nhược điểm của chúng, mối liên hệ giữa các bên và với các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế khác. Sinh viên cũng cần nắm bắt các vấn đề pháp lý cụ thể liên quan đến hòa giải, bao gồm các bước /thủ tục hòa giải, giá trị pháp lý và tác dụng của biên bản pháp lý thành công. Từ đó sinh viên có thể áp dụng các quy tắc về thương lượng và hòa giải để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn nảy sinh từ tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh quốc tế.

Đối với chuẩn đầu ra về kỹ năng, sinh viên cần làm chủ được các kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề, bao gồm cả các vấn đề pháp lý; đánh giá, so sánh, lập luận và tổng hợp các luận cứ hoặc trường hợp; quan trọng nhất là kỹ năng đàm phán và hòa giải để giải quyết các xung đột kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, khi kết thúc học phần, sinh viên cũng rèn luyện được tư duy cũng như phân tích phản biện một cách có logic và độc lập. Kỹ năng nghiên cứu, soạn thảo và đưa ra các án lệ; đọc và phân tích các quyết định, bản án xét xử của các cơ quan trọng tài quốc tế là một trong những hành trang quý giá mà sinh viên sẽ nhận được. Cùng với đó sinh viên còn trau dồi thêm kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, nghiên cứu khoa học, truyền đạt các văn bản pháp luật, kể cả bằng miệng và bằng văn bản.

Đối với chuẩn đầu ra về thái độ, sinh viên nhận thức được sự cần thiết, ý nghĩa của việc soạn thảo các quy định về thương lượng, hòa giải và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp với tình huống giao dịch, nhận thức được vai trò của thương lượng, hòa giải nói chung và nghĩa vụ của thương lượng, hòa giải viên nói riêng trong giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, sinh viên cũng cần có tư duy cởi mở và đa diện, đa lĩnh vực và liên lĩnh vực trong môi trường quốc tế, đa quốc gia và đa văn hóa; cần phải trung thực, công tâm và chu đáo; có ý thức tôn trọng đạo đức nghề nghiệp và tuân theo pháp luật, bảo vệ công lý và bình đẳng; và có tinh thần trách nhiệm, học tập suốt đời và cống hiến cho xã hội.

Nội dung giảng dạy của học phần bao gồm 3 chương lớn: Những nguyên tắc cơ bản của giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế; Giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và Giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải.

1.2.2. Học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế

Học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế là học phần chuyên biệt và bắt buộc, cung cấp kiến thức và kỹ năng nâng cao về thương lượng, hòa giải và trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Với cách tiếp cận dựa trên mô phỏng, học phần tạo điều kiện cho người học áp dụng và kết hợp nhiều phương pháp giải quyết tranh chấp, thay vì

khai thác chúng một cách riêng lẻ. Do đó, việc hoàn thành các học phần của Giải quyết Tranh chấp Kinh doanh Quốc tế bằng Thương lượng và Hòa giải và Trọng tài Thương mại Quốc tế là điều kiện tiên quyết để đăng ký học phần này.

Đối với chuẩn đầu ra về kiến thức, kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm vững các nguyên tắc cơ bản và chuyên môn của đàm phán, hòa giải và trọng tài trong giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế, bao gồm cả việc thiết kế và đánh giá tính phù hợp và thành công của ADR, các xu hướng và ảnh hưởng của nó. Đồng thời, sinh viên cũng hiểu các vấn đề thực chất và thủ tục liên quan đến các quy trình ADR bao gồm thương lượng, tiếp theo là phân xử và trọng tài, sau đó là hòa giải và giải quyết tranh chấp thông qua trực tuyến (ODR). Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ áp dụng các quy tắc tổng hợp về thương lượng, hòa giải và trọng tài để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh từ tranh chấp giữa các doanh nhân quốc tế trong các lĩnh vực đa dạng về đầu tư, mua bán hợp đồng hàng hóa và cung ứng hợp đồng dịch vụ.

Đối với chuẩn đầu ra về kỹ năng, có 5 kỹ năng cơ bản mà học phần định hướng cho sinh viên trau dồi bao gồm: (1) Đàm phán, hòa giải, trọng tài kết hợp để giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế trong nhiều bối cảnh khác nhau về thành lập, hoạt động và chấm dứt doanh nghiệp, hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng cung ứng dịch vụ; (2) Xác định và giải quyết các vấn đề, bao gồm cả các vấn đề pháp lý; đánh giá, so sánh, lập luận và tổng hợp các luận cứ hoặc trường hợp; (3) Rèn luyện được tư duy cũng như phân tích phản biện một cách có logic và độc lập; (4) Kỹ năng nghiên cứu, soạn thảo và đưa ra các án lệ; đọc và phân tích các quyết định, bản án xét xử của các cơ quan trọng tài quốc tế; (5) Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, nghiên cứu khoa học, truyền đạt các văn bản pháp luật, kể cả bằng miệng và bằng văn bản.

Đối với chuẩn đầu ra về thái độ, bên cạnh những thái độ mà sinh viên được kỳ vọng phải đạt được như được đề cập trong Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải, sinh viên sau khi kết thúc học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế còn cần nhận thức được sự cần thiết và tầm quan trọng của các phương pháp ADR khác nhau riêng lẻ và tập thể và của kênh ODR mới.

Nội dung giảng dạy của học phần cũng gồm 3 chương: Chương I - Những tiến bộ về các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong kinh doanh quốc tế; Chương II - Hòa giải thương mại quốc tế nâng cao; Chương III - Trọng tài thương mại quốc tế tiên tiến.

1.3. Phương pháp giảng dạy

Hiện nay, giảng viên thường kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy lại với nhau, ví dụ như giảng giáo trình theo phương pháp truyền thống kết hợp với giảng video; hoặc song giảng kết hợp roleplay,..., nhằm mang đến hiệu quả truyền đạt tốt nhất tới học sinh. Những phương pháp này được đổi mới sáng tạo nhằm linh hoạt tiếp cận tới thế hệ học sinh trẻ và mang hướng tư duy mới, cá tính mới. Trên cơ sở đó, để đạt được những chuẩn đầu ra nêu trên, hai học phần về hòa giải áp dụng những phương pháp như sau: Giảng giáo trình (thuyết giảng), giảng video, song giảng, thuyết trình cá nhân/ nhóm, đóng vai/ phân vai, nghiên cứu tình huống, bài tập (bài tập lớn), tiểu luận. Các phương pháp này có thể được triển khai áp dụng trên thực tế dưới các hình thức dưới đây.

Giảng giáo trình/ thuyết giảng là phương pháp cổ điển nhất, giảng viên trực tiếp lấy kiến thức từ giáo trình, phân tích, nêu ví dụ ở mỗi tiết học. “Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể”. Thực tế, sinh viên vẫn bày tỏ quan điểm rằng phương pháp này đã cũ và có phần nhàm chán, sinh viên không tìm thấy hứng thú với cách giảng dạy này, song phương pháp này vẫn có ưu điểm và chứng tỏ được hiệu quả nhất định. Khi giảng viên sử dụng phương pháp này, cần đảm bảo sự tập trung và nghiêm túc cũng như quyết tâm của sinh viên. Nếu có sự chủ động từ sinh viên thì phương pháp này chắc chắn vẫn sẽ đáp ứng được nhu cầu về thông tin của sinh viên. Sinh viên được trực tiếp đưa ra vấn đề, thắc mắc và sẽ được giải đáp lập tức.

Giảng video là phương pháp giảng viên chiếu những video có sẵn hoặc tự chuẩn bị, có liên quan đến phần kiến thức đang học. Việc làm này rất dễ nhận được sự quan tâm của sinh viên do có tính thú vị, mới mẻ. Phương pháp này có cung cấp lý thuyết cho sinh viên, nhưng đa phần sinh viên sẽ được tiếp cận tới những nguồn kiến thức gần thực tiễn hơn so với giáo trình hoặc sách tham khảo.

Song giảng cũng là một phương pháp hiệu quả và thú vị. Cụ thể với sinh viên ngành Luật, sinh viên sẽ được gặp gỡ, lắng nghe chia sẻ từ những vị luật sư hoặc giáo sư, hòa giải viên có trình độ và kinh nghiệm. Những chia sẻ từ những vị luật sư, giáo sư, hòa giải viên này có thể có lý thuyết hoặc không, nhưng sinh viên vẫn sẽ nắm bắt nhiều kiến thức do hiểu cách mà kiến thức vận hành vào thực tế, vào những trường hợp cụ thể ra sao.

Thuyết trình cá nhân/ nhóm là phương pháp được các sinh viên rất ưa thích. “Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.” Khi giảng viên sử dụng phương pháp này, đồng nghĩa giảng viên muốn phát huy tinh thần tự học, tự đọc của sinh viên. Sinh viên sẽ phải tự hệ thống và mở rộng kiến thức trong giáo trình, tìm thêm ví dụ để làm phong phú phần trình bày của mình. Ngoài ra, hoạt động này cũng giúp sinh viên trau dồi được kỹ năng làm việc nhóm của mình.

Đóng vai/ phân vai: “Phương pháp này là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức trước khi ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các tình huống trong bối cảnh xa lạ.” Sinh viên khi nghiên cứu về các trường hợp cụ thể sẽ tự rút ra kinh nghiệm và hiểu lý thuyết một cách linh hoạt hơn.

Một phương pháp tương tự với đóng vai/ phân vai là *nghiên cứu tình huống*. Những tình huống này được gọi với một thuật ngữ khác là Case study – “một cuộc kiểm tra chuyên sâu, chi tiết về một (hoặc nhiều trường hợp) cụ thể trong bối cảnh thế giới thực”. Điểm khác biệt giữa đóng vai/

phân vai và nghiên cứu tình huống là nghiên cứu tình huống đi vào lý thuyết chuyên sâu hơn so với từng trường hợp cụ thể, xem xét mọi khía cạnh của vấn đề, cách giải quyết vấn đề,... Nếu như đóng vai/ phân vai yêu cầu sự tham gia phần lớn là của sinh viên thì nghiên cứu tình huống lại rất cần sự dẫn dắt và định hướng nghiên cứu của giảng viên.

Kết hợp với việc học tập trên lớp, *bài tập lớn* hoặc những bài *tiểu luận* giảng viên giao cho sinh viên hoàn thành trước khi lên lớp cũng là một trong số nhiều cách thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Sinh viên sẽ chủ động hơn với việc đào sâu, hệ thống kiến thức để việc tiếp thu bài giảng hiệu quả hơn.

Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải và học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế là hai học phần vừa nặng về mặt lý thuyết, vừa đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo của sinh viên khi áp dụng vào thực tiễn, mang tính thực tiễn cao, do vậy việc giảng viên áp dụng đúng phương pháp giảng dạy là vô cùng quan trọng. Nếu như phương pháp giảng dạy sử dụng không phù hợp, sinh viên sẽ khó tiếp cận kiến thức, không đáp ứng được đầu ra của môn học, thiếu hụt đi phần kỹ năng và nội dung quan trọng cho việc hành nghề Luật.

1.4. Phương pháp kiểm tra

Để đảm bảo chuẩn đầu ra của các học phần, đặc biệt là hai học phần về hòa giải, thì *phương pháp kiểm tra* đóng một vai trò không nhỏ. Từ việc đưa ra các bài kiểm tra quá trình, giảng viên có thể nắm bắt được mức độ thu nhận kiến thức của sinh viên, đối chiếu với chuẩn đầu ra và thực tiễn, từ đó điều chỉnh lại phương pháp giảng dạy cho phù hợp. Thông thường, mỗi môn học nhất định, giảng viên sẽ có những cách khác nhau để kiểm tra và chấm điểm cho sinh viên. Trong đó, có 4 cách phổ biến nhất và cũng đánh giá được sát với năng lực của sinh viên nhất, đó là hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận và đóng vai/ phân vai.

Hình thức thi tự luận có ưu điểm là đánh giá được khả năng ghi nhớ và hệ thống kiến thức của sinh viên, bên cạnh đó là sự nghiêm túc và tâm huyết của sinh viên đối với môn học. Tuy nhiên, nhược điểm của hình thức tự luận là chưa thực sự kiểm tra được khả năng áp dụng thực tiễn của sinh viên. Nhiều trường hợp sinh viên điểm cao nhưng dựa và học thuộc lòng, máy móc.

Hình thức thi trắc nghiệm kiểm tra được nhiều phần kiến thức khác nhau thuộc học phần, đánh giá được bao quát hơn năng lực của sinh viên. Khác với tự luận thường có số lượng câu hỏi ít, tập trung, trắc nghiệm có lượng câu hỏi nhiều, trải dài nhiều chương xuyên suốt học phần nên có thể coi đây là điểm vượt trội của trắc nghiệm so với tự luận. Thời gian giảng viên sử dụng để chấm bài được rút gọn, điểm số cũng sẽ mang tính khách quan và chính xác cao hơn. Song, với hình thức thi trắc nghiệm thì tỷ lệ xảy ra gian lận thi cử (quay cóp hoặc trao đổi bài,...) sẽ cao hơn khá nhiều so với tự luận.

Tiểu luận thường có độ dài tối thiểu từ 10-20 trang, yêu cầu sinh viên tự học, tự nghiên cứu khá nhiều. Nhờ đó, giảng viên có thể cho điểm dựa trên khả năng nghiên cứu, văn phong, kỹ năng trình bày, thái độ đối với môn học, sự chủ động sáng tạo và tư duy tiếp cận, giải quyết vấn đề của sinh viên. Có thể thấy, tiểu luận đánh giá được cả 3 tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ trên

thang chuẩn đầu ra học phần. Mặt khác, sinh viên sẽ có khoảng thời gian từ 3-7 ngày để hoàn thành tiểu luận, nên hoàn toàn có thể sử dụng giúp đỡ tới từ nhiều nguồn khác nhau (có thể kể đến như Internet, bạn bè, anh chị các khóa trước,...). Như vậy, năng lực thực chất của sinh viên chưa được hoàn toàn thể hiện trên bản tiểu luận.

Đóng vai/ phân vai là hình thức thi khá mang tính đặc thù. Có nghĩa rằng, không phải tất cả môn học đều có thể áp dụng hình thức thi này. Chỉ một số học phần có tính thực tiễn và chuẩn đầu ra yêu cầu khả năng áp dụng thực tiễn của sinh viên thì mới nên áp dụng hình thức đóng vai/ phân vai để đánh giá năng lực sinh viên. Đây là một hình thức khá mới mẻ, thú vị, không đặt quá nhiều áp lực lên sinh viên, bên cạnh đó cũng kiểm tra được kiến thức, kỹ năng của người học. Tuy nhiên, mặc dù có đánh giá được kiến thức học thuật của sinh viên, đóng vai/ phân vai chưa đánh giá được quá sâu mức độ tiếp thu những phần lý thuyết của sinh viên xuyên suốt học phần.

Ngoài ra, *thuyết trình nhóm* cũng thường được sử dụng để đánh giá điểm giữa kỳ cho sinh viên (thường chiếm 15-30% toàn bộ điểm học phần của sinh viên).

Mỗi phương pháp kiểm tra đều có ưu và nhược điểm cụ thể. Hai học phần về Giải quyết Tranh chấp Kinh doanh Quốc tế bằng Thương lượng và Hòa giải và học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế yêu cầu lượng kiến thức và kỹ năng sinh viên cần làm chủ là tương đương nhau, như vậy phương pháp kiểm tra phù hợp nhất trong hai học phần này sẽ là tự luận hoặc bài tập lớp và đóng vai, phân vai. Với bài kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi là bài thi tự luận trên lớp hoặc bài tập lớn. Trong đó, bài kiểm tra trên lớp tiêu chuẩn đánh giá theo quy định của kỳ thi, bao gồm: Câu trả lời rõ ràng cho câu hỏi, trích dẫn chính xác và đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan, giải thích và áp dụng đúng các quy phạm pháp luật đã được trích dẫn. Bài tập lớp được đánh giá dựa trên cấu trúc và nội dung bài viết, bằng chứng về năng lực trích dẫn áp dụng pháp luật. Với bài kiểm tra cuối kỳ, dạng bài kiểm tra được sử dụng là phiên tòa hòa giải giả định (Mediation moot) một hình thức đóng vai/ phân vai. Như vậy, giảng viên có thể đánh giá được bao quát các khía cạnh năng lực, kỹ năng, thái độ của sinh viên một cách chi tiết, khách quan cũng như chính xác nhất.

2. Tìm hiểu về phong cách học của sinh viên Chương trình V-LEX

2.1. Lý thuyết về phong cách học

2.1.1. Định nghĩa

Phong cách học tập (learning style) đề cập đến một loạt các lý thuyết nhằm giải thích sự khác biệt trong quá trình học tập của các cá nhân. Khoảng đầu những năm 90 của thế kỉ 20, Neil Fleming, một thanh tra trường học người New Zealand đã quyết định phân loại phong cách học tập của các sinh viên. Trong quá trình quan sát gần 9000 lớp học khác nhau, ông thấy rằng chỉ có số ít giáo viên có thể tiếp cận tới từng học sinh trong quá trình dạy học. Fleming không phải người duy nhất nghiên cứu về vấn đề này. Bên cạnh nghiên cứu của Fleming còn có mô hình của David Kolb hay Honey và Mumford, tuy nhiên, mô hình của David Kolb thiên về các giai đoạn tiếp nhận kiến thức, phù hợp cho công tác quản lý hơn là giảng dạy; trong khi đó, mô hình của Honey & Mumford thì khá phức tạp với nhiều yếu tố, đồng thời cũng không có bài kiểm tra cụ thể để xác định phong

cách học tập. Đối với môi trường học tập ở Việt Nam, mô hình VARK của Fleming tỏ ra phù hợp và toàn diện hơn.

Fleming tập trung vào nghiên cứu các thức trình bày thông tin mà mọi người ưa thích khi ai đó truyền tải thông tin tới họ. Ông phát triển bảng câu hỏi gồm 16 câu, ngày nay được gọi là Bảng hỏi VARK (hay VARK questionnaire). Từ bảng câu hỏi này, Fleming chia các phong cách học tập thành 4 loại: Visual – Thị giác; Auditory – Thính giác; Reading & Writing – Đọc và viết; Kinesthetic – Vận động.

2.1.2. Bốn phong cách học tập theo nghiên cứu của Fleming

Phương pháp học tập bằng thị giác – Visual learning style

Người học bằng phương pháp thị giác hay còn gọi là người học trực quan có khả năng lưu giữ thông tin tốt hơn khi thông tin được trình bày cho họ dưới dạng mô tả đồ họa, chẳng hạn như mũi tên, biểu đồ, sơ đồ, ký hiệu,... Tương tự như cách các nhà thiết kế sử dụng hệ thống phân cấp trực quan để nhấn mạnh các yếu tố thiết kế cụ thể, những người học trực quan phát triển mạnh với những bức tranh rõ ràng về hệ thống phân cấp thông tin.

Người học trực quan thích phân tích và quan sát những thứ như hình ảnh, sơ đồ và biểu đồ thể hiện thông tin rõ ràng theo thứ tự quan trọng. Đôi khi, có thể tìm thấy những người học bằng hình ảnh bằng cách chú ý đến những sinh viên đang vẽ nguệch ngoạc, lập danh sách hoặc ghi chú.

Cho dù giảng viên đang sử dụng bảng trắng, bảng thông minh hay thuyết trình, hãy đảm bảo những người học bằng hình ảnh có đủ thời gian để xử lý và tiếp thu các tín hiệu hình ảnh. Khi có thể, người học trực quan nên có quyền truy cập vào các tài liệu bổ sung trình bày chi tiết chủ đề thông qua hình ảnh rõ ràng bất cứ khi nào có thể. Ngoài ra, cho phép những người học này vẽ hình ảnh, sơ đồ về những gì họ đang học để củng cố khả năng ghi nhớ.

Phương pháp học tập bằng thính giác – Auditory learning style

Người học thính giác thích nghe thông tin được trình bày với họ bằng giọng nói. Những người học này hoạt động tốt trong môi trường nhóm nơi có sự cộng tác bằng giọng nói và có thể thích đọc to cho chính họ nghe.

Người học thính giác thích học các chủ đề được trình bày qua âm thanh. Có thể tìm thấy những người học thính giác bằng cách chú ý đến những sinh viên đang tích cực tham gia vào bài giảng. Giảng viên có thể thấy họ gật đầu hoặc hỏi những câu hỏi thường xuyên hơn là ghi chú bằng văn bản. Ngoài ra, những người học này có thể đọc chậm, đọc to cho chính họ nghe hoặc lặp lại những điều giảng viên nói với họ để giúp duy trì khả năng ghi nhớ.

Giảng viên cần nói chuyện trực tiếp với những người học thính giác của mình để giúp họ tham gia vào cuộc trò chuyện. Yêu cầu họ làm những việc như nói chi tiết một khái niệm mới mà họ vừa học được và hỏi họ những câu hỏi tiếp theo trong khi cho họ thời gian họ cần để trả lời. Thảo luận nhóm, video hấp dẫn và bản ghi âm là những cách tuyệt vời khác để thu hút người học thính giác trong lớp học của mình.

Phương pháp học tập thông qua đọc và viết – Reading&Writing learning style

Tập trung vào chữ viết, người học đọc và viết thành công với thông tin viết trên trang tính, bản trình bày và các tài nguyên năng văn bản khác. Những người học này là những người ghi chú và hoạt động mạnh mẽ khi họ có thể tham khảo văn bản viết.

Những người thích viết, đọc và viết bị cuốn hút vào sách giáo khoa, tiểu thuyết, bài báo, tạp chí và bất cứ thứ gì nặng về văn bản. Tương tự như người học trực quan, có thể tìm người học đọc và viết bằng cách chú ý đến những sinh viên ghi chép tỉ mỉ, tham khảo từ điển để học từ mới hoặc sử dụng công cụ tìm kiếm trực tuyến để tìm câu trả lời cho câu hỏi của họ.

Viết luận, thực hiện nghiên cứu chuyên sâu, đọc sách giáo khoa,..., người học đọc và viết thích các phương pháp giảng dạy, truyền tải chủ đề truyền thống hơn. Tuy nhiên, giảng viên cần đảm bảo rằng những người học này có nhiều thời gian để tiếp thu tài liệu khóa học bằng văn bản và cho họ mọi cơ hội để trình bày ý tưởng của họ trên giấy hoặc thiết bị kỹ thuật số.

Phương pháp học tập thông qua vận động – Kinesthetic learning style

Đóng vai trò hoạt động thể chất, những người học kinesthetic được thực hành và phát triển mạnh khi thu hút tất cả các giác quan của họ trong quá trình làm việc. Những người học này có xu hướng làm việc tốt trong các nghiên cứu khoa học do tính chất được trải nghiệm, được thực hành của khóa học.

Người học “Kinesthetic” là người học “xúc giác”, có nghĩa là họ thích thực hiện các sự kiện một cách vật lý hoặc sử dụng tất cả các giác quan của mình trong khi học. Những loại người học này rất dễ tìm thấy, vì họ có thể gặp khó khăn khi ngồi yên và có thể cần nghỉ giải lao thường xuyên trong thời gian học tập nặng.

Khi có thể, hãy đưa người học vận động lên và di chuyển. Giảng viên cũng có thể tạo các trò chơi học tập khuyến khích những loại người học này di chuyển về lớp học tại các điểm khác nhau trong bài học.

Bảng 1. Bảng tóm tắt các ưu nhược điểm đặc trưng của mô hình VARK

Phương pháp học	Trực quan	Thính giác	Đọc và viết	Vận động
So sánh				
Ưu điểm	Xử lý và ghi nhớ thông tin qua quan sát, hình ảnh. Thích được tự đọc và thấy mọi thứ trực tiếp.	Xử lý và ghi nhớ thông tin tốt hơn qua âm thanh. Thích lắng nghe, ghi nhớ tốt hơn khi nghe bài giảng.	Ghi nhớ và xử lý thông tin dạng chữ tốt. Thích đọc sách, truyện hay	Xử lý và ghi nhớ thông tin qua việc tiếp xúc, vận động. Thích tìm hiểu và khám phá mọi thứ xung quanh, phát

Phương pháp học	Trực quan	Thính giác	Đọc và viết	Vận động
So sánh			những văn bản nhiều chữ.	huy tốt nhất khi thực hành.
Nhược điểm	Khó xử lý thông tin khi học theo phương pháp giảng dạy truyền thống (giảng giáo trình,...).	Dễ bị mất tập trung khi môi trường nhiều tạp âm, không yên tĩnh.	Thích viết lách, vì thế khó ghi nhớ và xử lý thông tin khi bản thân không tự ghi chép.	Dễ mất tập trung khi phải ở một chỗ quá lâu, không thường đọc, viết do có xu hướng bỏ qua các lí thuyết bằng chữ.

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp và đánh giá (2022)

2.1.3. *Tương quan giữa phong cách học tập của sinh viên và phương pháp giảng dạy của giảng viên*

Trên thực tế, trong quá trình học, dù có thể kết hợp tất cả các phương pháp học nói trên, người học thường có xu hướng có một phương pháp học yêu thích nhất hoặc hiệu quả nhất với mình và áp dụng phương pháp đó thường xuyên nhất. Kết quả là, họ sẽ gặp khó khăn nếu phải thường xuyên áp dụng hoặc học theo phương pháp dạy/học không phù hợp với phương pháp học yêu thích của mình.

Đối với *Phương pháp học tập bằng thị giác*, cách thức hiệu quả nhất để truyền tải nội dung bài học tới sinh viên là giảng video hoặc thuyết giảng sử dụng slide có nhiều hình ảnh minh họa, sơ đồ, biểu đồ,... Việc đưa các hình ảnh trực quan, sinh động sẽ giúp sinh viên có sự liên tưởng, đồng thời liên kết các mảng kiến thức dễ dàng hơn, từ đó ghi nhớ thông tin một cách có hệ thống nhất. Nếu giảng viên đi sâu vào giảng bằng lời nói hoặc sử dụng giáo trình làm nguồn tài liệu duy nhất, sinh viên sẽ cảm thấy khó tập trung và có xu hướng lơ đãng, tự liên tưởng đến những hình ảnh trong đầu. Người học trực quan cũng có thể phù hợp với phương pháp học thông qua *thuyết trình cá nhân/ nhóm*. Do xu hướng hiện nay các sinh viên hoặc nhóm sinh viên khi thuyết trình sẽ đưa vào phần trình bày nhiều hình ảnh, ví dụ để sát thực tiễn và làm phần trình bày của mình hấp dẫn hơn. Hơn thế nữa, người học trực quan trong quá trình tự nghiên cứu để chuẩn bị cho việc thuyết trình cũng sẽ có cơ hội tự tìm kiếm những hình ảnh sao cho bản thân hiểu và ghi nhớ bài tập một cách dễ dàng nhất.

Đối với *Phương pháp học tập bằng thính giác*, phương pháp giảng dạy truyền thống là *thuyết giảng* sẽ phát huy được hiệu quả khi thông tin được truyền đạt tới sinh viên nhiều bằng lời nói. Bên cạnh đó, áp dụng phương pháp *song giảng* cũng hỗ trợ người học thính giác rất nhiều, bởi trong các tiết học thỉnh giảng chuyên gia, đa số thời gian sinh viên sẽ sử dụng để lắng nghe và đặt

câu hỏi, tư duy trực tiếp, thay vì phải đọc quá nhiều lí thuyết, sách vở. Ngoài ra, khi *thuyết trình cá nhân/ nhóm* sinh viên sẽ được dành thời gian lắng nghe và phân tích thông tin qua âm thanh nhiều hơn, hoàn toàn phù hợp với người học thính giác.

Sinh viên sử dụng *Phương pháp học tập thông qua đọc và viết*, phù hợp với thuyết giảng truyền thống, khi mà sinh viên sẽ có thời gian nghiên cứu giáo trình và tài liệu giảng viên cung cấp trước khi tới lớp. Khi này, sinh viên đã có sự chuẩn bị trước, đồng thời nắm được cơ bản cấu trúc bài giảng, khoảng thời gian trên lớp sẽ được sinh viên tận dụng cho việc ghi chép thông tin. Những sinh viên này cũng củng cố kiến thức của mình tốt hơn bằng cách *bài tập lớn* hoặc *tiểu luận* mà giảng viên giao về nhà. Sinh viên phát huy lợi thế đọc, nghiên cứu tài liệu, viết và trình bày văn bản của mình linh hoạt để có thành phẩm tốt nhất.

Phương pháp đóng vai/ nhập vai sẽ phù hợp nhất khi được áp dụng với những sinh viên với *Phương pháp học thông qua vận động*. Việc được tiếp xúc trực tiếp với thông tin, và sự mới mẻ trong cách tiếp cận thông tin sẽ kích thích khả năng ghi nhớ cũng như thu hút hứng thú và sự tập trung của các sinh viên này. *Thuyết trình cá nhân/ nhóm* cũng là một hoạt động đòi hỏi sự vận động của sinh viên thông qua thực hiện việc thuyết trình, bộc lộ ngôn ngữ hình thể. Trước đó, khi chuẩn bị tài liệu trước buổi thuyết trình là khoảng thời gian sinh viên được áp dụng phương pháp học phù hợp với bản thân mình nhất.

Dựa trên ưu nhược điểm của các phong cách học tập và đặc điểm của các phương pháp giảng dạy, có thể rút ra bảng đánh giá độ phù hợp giữa cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên. Bảng sử dụng *thang* điểm từ 1 tới 5 mức độ lần lượt là: 1-Hoàn toàn không phù hợp, 2-Không phù hợp, 3-Có thể phù hợp, 4-Phù hợp, 5-Hoàn toàn phù hợp.

Bảng 2. Tương quan giữa phương pháp giảng dạy và phong cách học tập

Phong học tập	Phương pháp giảng dạy cách	Thuyết giảng	Video	Song giảng	Thuyết trình	Đóng vai	Nghiên cứu tình huống	Bài tập lớn
Trực quan		4	5	2	4	4	3	2
Thính giác		5	3	5	4	4	4	2
Đọc và viết		4	2	2	3	2	2	5
Vận động		2	3	4	4	5	5	1

Nguồn: Tác giả tự đánh giá dựa trên đặc điểm của phong cách học tập và phương pháp giảng dạy (2022)

2.2. Phong cách học của sinh viên K60 V-LEX

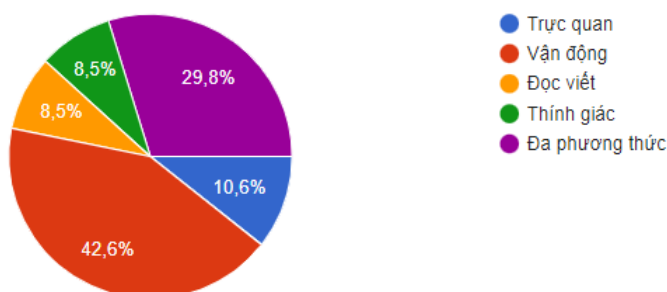
2.2.1. Phương pháp nghiên cứu phong cách học của sinh viên K60 V-LEX

Vào tháng 9 năm 2022, Bản khảo sát “Phong cách học tập của sinh viên K60 V-LEX” được thực hiện bởi 47 trên tổng số 53 sinh viên khóa 60, Chương trình V-LEX. Các sinh viên được yêu cầu điền “Bảng câu hỏi khảo sát VARK” bao gồm 16 câu hỏi. Nội dung của 16 câu hỏi được đính kèm ở Phụ lục cuối bài viết. Dựa trên cơ sở trả lời câu hỏi của sinh viên, thuật toán sẽ tính toán số điểm trực quan, thính giác, đọc và viết, vận động của sinh viên và đưa ra phong cách học tập mà sinh viên đang sử dụng.

2.2.2. Thực tế phong cách học tập của sinh viên K60 V-LEX

Bạn thiên về phong cách học nào

47 câu trả lời



Hình 1. Phong cách học tập của sinh viên K60 V-LEX

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp (2022)

Số liệu từ khảo sát cho thấy, trong 47 sinh viên thực hiện bài khảo sát, có 20 sinh viên (tương đương khoảng 43%) có thiên hướng sử dụng phong cách học tập thông qua vận động; 5 sinh viên (khoảng 10%) là người học trực quan, 4 sinh viên (khoảng 9%) dùng phương pháp học tập bằng thính giác; 4 sinh viên (khoảng 9%) dùng phương pháp đọc và viết; và 14 sinh viên (khoảng 30%) sử dụng đa phương thức (sinh viên có số điểm các phong cách tương đương nhau).

Như vậy, có thể KẾT LUẬN rằng, gần đa số sinh viên thuộc K60 V-LEX thuộc nhóm vận động, một phần lớn khác thuộc nhóm đa phương thức. Phần thiểu số thuộc 3 nhóm còn lại.

2.2.3. Tương quan giữa phong cách học tập của sinh viên K60 V-LEX và phương pháp giảng dạy của hai học phần về hòa giải.

Học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh quốc tế bằng thương lượng và hòa giải và Học phần nâng cao về giải quyết tranh chấp bằng phương pháp thay thế phân bổ 30 giờ cho bài giảng trên lớp, 15 giờ để học sinh luyện tập trên lớp, 22,5 giờ cho các bài tập lớn và 67,5 giờ cho học sinh tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong đó, phương pháp dạy chủ yếu vẫn là thuyết giảng. Bên cạnh đó, cũng có một số nội dung sử dụng phương pháp đóng vai và nhập vai vào những tình huống được cung cấp sẵn bởi giảng viên.

So sánh với số liệu khảo sát, phương pháp dạy học mang tính truyền thống cao này không thực sự phù hợp trong việc truyền đạt kiến thức tới đại bộ phận sinh viên. Nhóm sinh viên hưởng lợi từ phương thức giảng dạy này rơi vào nhóm thị giác, thính giác và đọc viết. Theo như phân tích ở mục 2.1.3, sinh viên thuộc ba nhóm này sẽ học tập dễ dàng hơn nếu giảng viên thuyết giảng sử dụng slide có chứa nhiều hình ảnh, biểu đồ trực quan. Trong khi đó, nhóm vận động sẽ gặp bất lợi vì lượng thông tin cần đọc nhiều, khoảng thời gian cần tập trung cao độ kéo dài, các sinh viên dễ bị xao nhãng vào những hoạt động riêng cá nhân. Mặt khác, độ phù hợp của phương thức dạy này đối với nhóm thị giác cũng chỉ ở mức độ vừa phải, do đó, việc áp dụng nó cho hai học phần quan trọng về hòa giải là chưa toàn diện, thỏa đáng.

3. Giải pháp tăng cường sự tương thích giữa phương pháp học và phương pháp giảng dạy hai học phần về hòa giải

Như đã trình bày ở trên, chương trình giảng dạy hầu như chỉ sử dụng thuyết giảng, bài tập và lượng nhỏ thời gian cho nhập vai sẽ không đạt được hiệu quả giảng dạy mong muốn, khiến sinh viên khó khăn trong việc đạt các chuẩn đầu ra học phần. Do đó, sự tương thích giữa phương pháp học và phương pháp giảng dạy hai học phần về hòa giải có thể được tăng cường thông qua một số giải pháp sau đây.

Về thời lượng phân bổ cho học tập trên lớp, tổng là 45 giờ, giảng viên có thể dùng 15 giờ (tương đương 33%) để sinh viên thực hiện các phần thuyết trình theo nhóm những nội dung của môn học. Với gần 50% sinh viên thích học thông qua vận động, phương pháp thuyết trình nhóm là phù hợp nhất. Phương pháp này cũng đồng thời có độ phù hợp nhất định với các nhóm sinh viên còn lại (dựa theo đánh giá của bảng hai). Cùng lúc đó, giảng viên cũng sử dụng 15 giờ để giảng sâu hơn những nội dung quan trọng hoặc chỉnh sửa những nội dung sinh viên tìm hiểu sai, lệch hướng; kiến nghị đưa vào các hình ảnh và video trong phần bài giảng này. Giảng viên cũng có thể nhấn mạnh lại, định hướng tự học, tự đọc, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc ôn tập lại cho sinh viên các phần trọng điểm trước khi kiểm tra. 5 giờ còn lại sẽ sử dụng cho thỉnh giảng giáo sư, luật sư hoặc các vị có chuyên môn; bên cạnh đó giảng viên cũng dẫn dắt sinh viên nghiên cứu tình huống từ những kinh nghiệm thực tế mà các vị thỉnh giảng chia sẻ. Sinh viên sẽ có 10 giờ để trao đổi với giảng viên những phần mình chưa thực sự hiểu, những nội dung còn khúc mắc; thực hiện nhập vai/ đóng vai dựa trên những tình huống giảng viên cung cấp. Giảng viên giải đáp thắc mắc của sinh viên, đồng thời phản hồi, nhận xét phần thể hiện của sinh viên trên lớp (dựa trên tiêu chí chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ), khen thưởng hoặc đốc thúc quá trình học của sinh viên. Việc kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy trong xuyên suốt học phần như vậy sẽ mang lại hiệu quả toàn diện nhất cho các sinh viên thuộc nhóm đa phong cách. Giảng viên cũng có thể áp dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy trong cùng một buổi học. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa phương pháp giảng dạy cũng sẽ có tác dụng tích cực đến các sinh viên thuộc nhóm thiểu số (trực quan, nghe, đọc và viết). Giảng viên có thể dựa vào đặc điểm của phương pháp dạy mà đưa vào phần bài giảng của mình nhiều hình ảnh, chữ viết hoặc âm thanh sao cho phong phú và tiếp cận đến tất cả nhóm sinh viên.

Về thời lượng phân bổ cho bài tập tại nhà, tổng 22.5 giờ, thay vì những bài tập lớn, những câu hỏi tiểu luận dài, giảng viên xem xét sử dụng các câu hỏi ngắn mang tính liên hệ bài học, liên hệ thực tiễn, kích thích hứng tìm hiểu cũng như khả năng nghiên cứu của sinh viên. Giảng viên giao những bài tập tạo điều kiện cho sinh viên làm việc hoặc tranh luận, phản biện với nhau, tăng sự tương tác và trao đổi kiến thức giữa các thành viên trong lớp.

Về thời lượng phân bổ cho sinh viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, giảng viên nên dẫn dắt định hướng khi sinh viên chuẩn bị thuyết trình, nội dung học tại nhà để sinh viên không đi sai hướng tìm hiểu. Giảng viên giao nhiều tình huống thêm, khuyến khích sinh viên lập nhóm luyện tập với nhau tại nhà, quay lại video thành phẩm và nhận lại nhận xét từ giảng viên.

Ngoài việc kết hợp linh hoạt các phương thức giảng dạy hướng tới các nhóm sinh viên theo đuổi phong cách học tập khác nhau, giảng viên cũng cần nhắc đưa nhiều hoạt động nhỏ sáng tạo, ví dụ như trò chơi hoặc hùng biện, tranh biện, để tăng sự hứng thú của sinh viên với môn học. Nắm được tâm lý của sinh viên cũng là chìa khóa giúp việc truyền đạt kiến thức dễ dàng hơn, do vậy giảng viên cũng nên tương tác, trò chuyện, trao đổi với cá nhân các sinh viên nhiều hơn và tìm các động viên, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập bộ môn.

Kết luận

Như vậy, trên cơ sở phân tích phương pháp giảng dạy và phong cách học tập của sinh viên khóa 60, Chương trình V-LEX bằng mô hình VARK, bài viết đã đánh giá tương quan sự phù hợp giữa phương pháp giảng dạy của giảng viên và phong cách học tập của sinh viên. Nhận thấy rằng độ phù hợp là chưa cao, sinh viên sẽ thấy khó khăn, thiếu hứng thú và sự tập trung khi tiếp thu kiến thức, giảng viên cũng đồng thời vấp phải rào cản lớn khi trao đổi kiến thức tới sinh viên, bài viết đã đề xuất những giải pháp nhằm hỗ trợ tăng cường độ tương thích này.

Tài liệu tham khảo

- Bromley, D.B. (1986), “The Case-Study Method in Psychology and Related Disciplines”.
- Khoa Luật, FTU, *Đề cương chi tiết học phần Advanced Course on Alternative Dispute Resolution*.
- Khoa Luật, FTU, *Đề cương chi tiết học phần International Commercial Negotiation and Mediation*.
- Khoa Luật (2021), “Sổ tay V-LEX”, *Trường Đại học Ngoại Thương*.
- Linh, C. (2020), “Sự thực về các Phong cách học tập”, *Dạy & Học*.
- Nguyễn, T.M.N. (2021), “Hướng dẫn về các phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo”, <https://qtnl.tmu.edu.vn/vi/news/dao-tao/huong-dan-ve-cac-phuong-phap-day-hoc-trong-chuong-trinh-dao-tao-269.html>, truy cập ngày 16/10/2022.
- Sphero Team. (2020), “4 Types of Learning Styles: Explaining the VARK Model”, <https://sphero.com/blogs/news/learning-styles-for-kids#:~:text=What%20are%20the%20four%20learning,reading%20and%20writing%2C%20and%20kinesthetic>.

PHỤ LỤC

Bảng câu hỏi khảo sát VARK (The VARK Questionnaires)

Hãy chọn những đáp án giải thích rõ nhất sở thích của bạn. Chọn thêm đáp án nếu đáp án thứ nhất chưa đủ để phản ánh hiểu biết của bạn. Bỏ trống bất cứ câu hỏi nào mà bạn thấy không phù hợp.

1. Tôi cần tìm đường đến 1 cửa hàng mà bạn tôi đã giới thiệu, tôi sẽ:

K. tìm xem vị trí của cửa hàng đó có liên quan đến 1 địa điểm nào đó mà tôi biết hay không

A. nhờ bạn tôi chỉ đường

R. viết ra những chỉ dẫn về đường đi mà tôi cần nhớ

V. sử dụng bản đồ

2. Một trang web có chứa 1 video hướng dẫn cách vẽ 1 đồ thị hoặc 1 biểu đồ đặc biệt. Trên đó có 1 người đang nói, một vài danh sách miêu tả những việc cần làm và một số sơ đồ hướng dẫn. Tôi sẽ học tốt nhất bằng cách:

V. xem sơ đồ

A. nghe video

R. đọc hướng dẫn

K. xem hành động của người nói

3. Tôi muốn tìm hiểu nhiều hơn về chuyến du lịch tôi đang đi. Tôi sẽ:

K. xem thông tin chi tiết về những nơi đẹp nhất và những hoạt động trong chuyến đi

V. cử dụng bản đồ để thấy vị trí của các địa điểm

R. đọc thông tin về chuyến đi trên lịch trình di chuyển.

A. nói chuyện với người lên kế hoạch cho chuyến đi hoặc những người khác cùng chuyến đi.

4. Khi lựa chọn một nghề nghiệp hoặc một lĩnh vực học tập, điều này là rất quan trọng với tôi khi nghề nghiệp/lĩnh vực đó có đòi hỏi:

K. áp dụng các kiến thức của tôi vào các tình huống thực tế.

A. giao tiếp với những người khác thông qua những cuộc thảo luận.

V. làm việc với các bản thiết kế, bản đồ và biểu đồ

R. sử dụng từ ngữ tốt trong giao tiếp bằng văn bản.

5. Khi học, tôi thường:

A. thích nói chuyện/ bàn luận về mọi thứ (khả năng - kết quả)

V. nhìn thấy các đặc điểm/họa tiết trong mọi thứ.

K. sử dụng các ví dụ và các ứng dụng.

R. đọc sách, báo và các bản tin.

6. Tôi muốn tiết kiệm nhiều tiền hơn và quyết định giữa các sự lựa chọn. Tôi sẽ:

K. cân nhắc các ví dụ về các lựa chọn dựa trên thông tin tài chính của bản thân

R. đọc một tài liệu miêu tả chi tiết các lựa chọn.

V. sử dụng đồ thị để diễn tả các lựa chọn khác nhau trong các khoảng thời gian khác nhau

A. nói chuyện với một chuyên gia về các lựa chọn tiết kiệm tiền

7. Tôi muốn học cách chơi một trò chơi cờ hoặc một trò chơi thẻ bài. Tôi sẽ:

K. xem những người khác chơi trò chơi đó trước khi tham gia.

A. lắng nghe ai đó giải thích và hỏi những câu hỏi.

V. xem một sơ đồ giải thích các giai đoạn, các bước di chuyển và các chiến thuật khác nhau trong trò chơi đó.

R. đọc hướng dẫn

8. Tôi có vấn đề với tim mạch. Tôi mong muốn rằng bác sĩ sẽ:

R. đưa cho tôi thứ gì đó để đọc có chứa giải thích về bệnh

K. sử dụng mô hình nhựa để chỉ ra bệnh

A miêu tả về bệnh cho tôi nghe

V đưa ra sơ đồ thông tin về bệnh

9. Tôi muốn học để làm một việc gì đó mới trên máy tính. Tôi sẽ:

R. đọc các chỉ dẫn được viết đi kèm với các phần mềm.

A. nói chuyện với người biết về các phần mềm.

K. bắt đầu sử dụng máy tính và học bằng cách tự mò mẫm

V sử dụng các sơ đồ trong một quyển sách

10. Thứ tôi thích khi học trên mạng:

K những videos hướng dẫn cách làm.

V. những thiết kế thú vị và các đặc điểm hình ảnh

R. các bản miêu tả, các danh sách và những sự giải thích thú vị bằng văn bản

A. các kênh âm thanh nơi tôi có thể lắng nghe các chương trình thu âm hoặc phỏng vấn.

11. Tôi muốn tìm hiểu về một dự án mới. Tôi sẽ yêu cầu:

V. sơ đồ hiển thị các giai đoạn của dự án với những biểu đồ về lợi nhuận và giá cả.

R. một báo cáo bằng văn bản miêu tả các đặc điểm của dự án.

- A. một cơ hội để thảo luận về dự án
- K. các ví dụ về những nơi dự án đã áp dụng thành công.
12. Tôi muốn học cách chụp ảnh đẹp hơn, tôi sẽ:
- A. hỏi và nói chuyện với 1 ai đó về máy chụp hình và các tính năng.
- R. sử dụng các tài liệu hướng dẫn sử dụng
- V. sử dụng sơ đồ hiển thị máy ảnh và từng bộ phận, chức năng của nó.
- K. sử dụng các ví dụ về những bức ảnh đẹp và xấu và chỉ ra cách cải thiện nó.
13. Tôi thích một người diễn giả hoặc một giáo viên sử dụng:
- K. các buổi thực tập, làm mẫu hoặc các buổi thực hành
- A. hỏi và trả lời, nói chuyện, thảo luận nhóm hoặc với các khách mời.
- R. các bản tin, sách báo, tài liệu
- V. các sơ đồ, biểu đồ, bản đồ và các đồ thị.
14. Tôi đã hoàn thành một cuộc thi hoặc một bài kiểm tra và tôi muốn có một vài phản hồi. Tôi mong muốn có được những phản hồi:
- K. sử dụng các ví dụ về những thứ tôi đã hoàn thành
- R. bằng văn bản miêu tả về kết quả của tôi
- A. từ một ai đó có thể giải thích chi tiết cho tôi
- V. sử dụng các bảng biểu chỉ ra những điều tôi đã đạt được.
15. Tôi muốn tìm hiểu về một ngôi nhà hoặc một căn hộ. Trước khi ghé thăm nó tôi muốn:
- K. xem một video về các tài sản trong nhà.
- A. có một cuộc thảo luận với người chủ nhà.
- R. xem một bản miêu tả các phòng và các tính năng.
- V. xem một sơ đồ chỉ ra các phòng và một bản đồ các khu vực trong nhà.
16. Tôi muốn lắp ráp các bộ phận của một cái bàn gỗ, tôi sẽ làm tốt nhất bằng cách:
- V. xem sơ đồ các bước lắp ráp
- A. nghe lời khuyên từ người đã thực hiện nó trước đó.
- R. đọc hướng dẫn sử dụng đi kèm với các bộ phận của cái bàn đó.
- K. xem một video của người đã lắp một cái bàn giống như thế